

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-PT

Ngày 26 – 12 – 2023

V/v yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hữu.

Ông Hồ Văn Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kim Mộc Nam - Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2023/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp yêu cầu cấp dưỡng nuôi con*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 72/2023/HNGĐ-ST, ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 279/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Như H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp G, xã K, huyện V, tỉnh Long An (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- Bị đơn: Ông Hứa Trọng K, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khóm B, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị Như H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Như H ngày 6/7/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đều trình bày: Bà H và ông Hứa Trọng K quen biết và quan hệ tình cảm với nhau. Sau một thời gian quen nhau thì bà mang thai đến ngày 26/11/2021 thì bà H sinh con là cháu Hứa Trần Ngọc Ngân H1, sinh ngày 26/11/2021, hiện nay cháu Ngân H1 đang

sống chung với bà H, giữa bà H với ông K không có đăng ký kết hôn. Từ ngày bà H mang thai đến khi cháu Ngân H1 được sinh ra thì ông K về quê ở tỉnh Sóc Trăng sinh sống và hiện nay ông K cũng đã có gia đình mới. Đến ngày 01/6/2022 ông K có về quê bà H ở xã K, huyện V, tỉnh Long An để làm thủ tục nhận cha cho con (theo trích lục đăng ký nhận cha cho con số 01/TLCMC ngày 01/6/2022), đồng thời bổ sung hộ tịch cho cháu Ngân H1 mang họ cha (theo trích lục thay đổi hộ tịch số 05/TLTĐHT ngày 01/6/2022).

Hiện tại bà H đang sống một mình với cháu Ngân H1 và công việc hiện tại của bà H không có thu nhập ổn định. Nhằm đảm bảo cho sự phát triển bình thường của con do đó bà H yêu cầu ông Hứa Trọng K thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày ông K đăng ký nhận con là ngày 01/6/2022 đến khi cháu Ngân H1 đủ 18 tuổi với số tiền mỗi tháng là 5.000.000 đồng, bà H yêu cầu được nhận tiền một lần.

Bị đơn ông Hứa Trọng K trình bày trong quá trình giải quyết: Ông thừa nhận cháu Hứa Trần Ngọc Ngân H1, sinh ngày 26/11/2021 là con chung của ông và bà H. Việc bà H yêu cầu cấp dưỡng nuôi con ông cũng đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng. Đối với yêu cầu của bà H về việc cấp dưỡng nuôi cháu Ngân H1 mỗi tháng là 5.000.000 đồng và được nhận tiền một lần thì ông không đồng ý, vì hiện nay ông không có điều kiện.

Tại bản án sơ thẩm số 72/2023/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định như sau:

Căn cứ khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 2 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 82, Điều 83, Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 6 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà Trần Thị Như H đối với ông Hứa Trọng K. Buộc ông Hứa Trọng K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hứa Trần Ngọc Ngân H1, sinh ngày 26/11/2021 mỗi tháng số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/6/2022 đến khi cháu Ngân H1 đủ 18 tuổi.

Ngoài ra, Bản án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, hướng dẫn thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 07/8/2023, nguyên đơn Trần Thị Như H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 72/2023/HNGĐ-ST ngày 31/7/2023 yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn thay đổi nội dung đơn khởi kiện ban đầu và thay đổi kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con cho nguyên đơn là 3.250.000 đồng/tháng và thống nhất cấp dưỡng hàng tháng; bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến của mình do điều kiện gia đình khó khăn nên có khả năng cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa phúc thẩm trình bày: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 72/2023/HNGĐ-ST ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng và điều chỉnh lại cách tuyên án đối với số tiền cấp dưỡng từ ngày 01/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 31/7/2023 là cấp dưỡng một lần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo nguyên đơn nộp đơn kháng cáo ngày 07/8/2023 là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo là hợp lệ và đúng theo luật định. Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét kháng cáo theo quy định pháp luật.

[1.2] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn **Trần Thị Như H** vắng mặt, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét thấy, nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện có mặt, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án.

[1.3] Tại phiên tòa nguyên đơn thay yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, chỉ yêu cầu bị đơn cấp dưỡng mỗi tháng 3.250.000 đồng và đồng ý cấp dưỡng hằng tháng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện và kháng cáo ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo quy định tại khoản 2 Điều 284 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án: Bà **Trần Thị Như H** và ông **Hứa Trọng K** có với nhau một người con chung là cháu **Hứa Trần Ngọc Ngân H1**, sinh ngày 26/11/2021. Do hiện nay cháu **Ngân H1** đang sống chung với bà **H**, bà **H** là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu **Ngân H1** nên bà **H** có yêu cầu ông **Hứa Trọng K** có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng bà vì hiện tại bà không có thu nhập ổn định, kinh tế gặp khó khăn nên yêu cầu ông **K** cấp dưỡng nuôi cháu **Ngân H1** mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi cháu **H1** đủ 18 tuổi và cấp dưỡng một lần. Ông **Hứa Trọng K** cũng thống nhất cấp dưỡng nuôi cháu **H1** nhưng do điều kiện anh khó khăn, là lao động chính trong gia đình và phải nuôi cha mẹ già hết tuổi lao động nên chỉ đồng ý cấp dưỡng 1.500.000 đồng mỗi tháng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*” nên cấp sơ thẩm đã xem xét và buộc ông **K** có nghĩa vụ cấp

đường nuôi cháu **H1** mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/6/2023 đến khi cháu **H1** đủ 18 tuổi. Không đồng ý với quyết định trên nguyên đơn bà **Trần Thị Như H** đã kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của bà **Trần Thị Như H** yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của bà **H** buộc ông **K** cấp dưỡng mỗi tháng 3.250.000 đồng kể từ ngày 01/6/2022 đến khi cháu **H1** đủ 18 tuổi và cấp dưỡng hằng tháng. Xét thấy, theo khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình có quy định “1. *Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*”; Đồng thời, theo quy định tại điểm c, b mục 11 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cũng hướng dẫn “b. *Tiền cấp dưỡng nuôi con bao gồm những chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng và học hành của con và do các bên thỏa thuận. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được thì tùy vào từng trường hợp cụ thể, vào khả năng của mỗi bên mà quyết định mức cấp dưỡng nuôi con cho hợp lý; c. Về phương thức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng*”. Giữa bà **H** và ông **K** không thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng, ông **K** cho rằng điều kiện của ông hiện nay gặp nhiều khó khăn, bản thân bị bệnh, chỉ có thu nhập từ nghề tài xế lái xe, thu nhập không ổn định còn phải lo cho gia đình và mẹ già nên không có khả năng cấp dưỡng theo yêu cầu của bà **H** mà chỉ có khả năng cấp dưỡng 1.500.000 đồng mỗi tháng, theo đơn xác nhận của chủ xe nơi ông **K** làm việc thì thu nhập của ông **K** từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng một tháng tùy theo tháng chạy xe nhiều hay ít. Bà **H** yêu cầu ông **K** cấp dưỡng 3.250.000 đồng/tháng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh điều kiện kinh tế của ông **K** có điều kiện cấp dưỡng 3.250.000 đồng/tháng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Xét về thu nhập, điều kiện thực tế của ông **K** thì ông **K** và nhu cầu thiết yếu của cháu **Ngân H1** thì thấy việc ông **K** cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật. Hơn nữa, việc chăm sóc nuôi dưỡng con tùy thuộc vào điều kiện kinh tế của từng gia đình, việc cấp dưỡng chỉ đảm bảo cho chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng, học hành của con và bà **H** cũng là mẹ của cháu **Ngân H1** thì cũng phải có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu. Vì vậy, cấp sơ thẩm quyết định mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/ tháng và cấp dưỡng hằng tháng có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật. Tuy nhiên, do cháu **Ngân H1** là con chung của bà **H** và ông **K**, nhưng từ khi ông **K** làm thủ tục nhận cha cho con từ ngày 01/6/2022 đến ngày bà **H** yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng thì cháu **Ngân H1** ở với bà **H** và một mình bà **H** chăm sóc, nuôi dưỡng, chi trả các khoản chi phí nuôi con và chi phí bà **H** đã bỏ ra lo cho con. Do đó cần buộc ông **K** phải hoàn trả lại cho bà **H** số tiền cấp dưỡng cho bà **H** nuôi con tính từ ngày 01/6/2022 cho đến ngày 31/7/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) như sau: 14 tháng x 1.500.000 đồng/tháng = 21.000.000 đồng và ông **K** có nghĩa vụ cấp dưỡng tiếp tục từ ngày 31/7/2023 cho đến khi cháu **Ngân H1** tròn 18 tuổi.

[3] Đối với ý kiến của nguyên đơn cho rằng tại Điều 8 của Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng có quy định về mức cấp dưỡng cho người mà người bị thiệt hại cấp dưỡng không được thấp hơn 01 tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người được cấp dưỡng cư trú cho mỗi tháng và hiện tại bà **H** đang cư trú ở **huyện V** thuộc vùng IV có mức lương tối thiểu là 3.250.000 đồng/tháng. Như đã phân tích trên thì thấy rằng việc cấp dưỡng nuôi con phải căn cứ vào các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình còn đối với Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là hướng dẫn về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong bồi thường trách nhiệm dân sự. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận. Trường hợp, có lý do chính đáng mức cấp dưỡng không còn phù hợp và điều kiện kinh tế của ông **K** có khả năng cấp dưỡng nhiều hơn thì bà **H** và ông **K** có thể thỏa thuận lại mức cấp dưỡng nuôi con nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Từ những phân tích trên thấy rằng kháng cáo của bà **Trần Thị Như H** là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số 72/2023/HNGĐ-ST, ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng về thời gian và mức cấp dưỡng cho cháu **Ngân H1**, điều chỉnh lại cách tuyên án như đã phân tích trên đối với số tiền bà **H** đã bỏ ra các chi phí nuôi dưỡng cho cháu **Ngân H1** từ ngày 01/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/7/2023 là 14 tháng với số tiền 21.000.000 đồng và thời gian cấp dưỡng tiếp theo tính từ ngày 31/7/2023 đến khi cháu **Ngân H1** tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên về việc áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm về mức cấp dưỡng và điều chỉnh lại cách tuyên án đối với hình thức cấp dưỡng là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận và bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, do nguyên đơn tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên được miễn án phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà **Trần Thị Như H.** Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 72/2023/HNGĐ-ST, ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

Căn cứ khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 2 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 82, Điều 83, Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 6 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận một phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà **Trần Thị Như H** đối với ông **Hứa Trọng K.**

1. Buộc ông **Hứa Trọng K** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **Hứa Trần Ngọc Ngân H1**, sinh ngày 26/11/2021 mỗi tháng với số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/6/2022 đến khi cháu **Ngân H1** đủ 18 tuổi, cụ thể:

- Buộc ông **Hứa Trọng K** phải hoàn trả tiền cấp dưỡng nuôi con chung là cháu **Hứa Trần Ngọc Ngân H1** kể từ ngày 01/6/2022 đến ngày 31/7/2023 là 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng).

- Buộc ông **Hứa Trọng K** phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu **Hứa Trần Ngọc Ngân H1** mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu **Hứa Trần Ngọc Ngân H1** đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Hình thức cấp dưỡng theo tháng và thời gian cấp dưỡng tiếp tục tính từ ngày 31/7/2023 (ngày xét xử sơ thẩm).

2. Về án phí sơ thẩm: Ông **Hứa Trọng K** phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

3. Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã Ngã Năm;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu TGD&NCTN, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

